

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/KDTM-ST
Ngày: 18/7/2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cương;

Ông Đặng Xuân Văn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Bé – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 03/2019/TLST-KDTM ngày 29 tháng 3 năm 2019 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-KDTM ngày 11/6/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-KDTM ngày 04/7/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Transfar Z co.,ldt. Địa chỉ: No.N Jianshe No.X Road, Xiaoshan Economy and Technology Development Zone, Zhejiang P R OF China.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Xu Guan J – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trang Hoàng T, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số A đường H, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 04/4/2019). Có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Liên doanh NP T; địa chỉ: Lô L, khu dân cư B nổi dài, khu công nghiệp V, ấp Z, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Hoài N - Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: Số K đường số Y, khu dân cư T, ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật. Có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/01/2019 (Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương nhận được ngày 19/02/2019) và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên

đơn Transfar Z Co, ltd (sau đây gọi tắt là Công ty Transfar) do ông Xu Guan J làm người đại diện theo pháp luật và ông Trang Hoàng T là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Công ty Transfar là đơn vị cung cấp các sản phẩm hóa học cho Công ty TNHH Liên doanh NP T (sau đây gọi tắt là Công ty NP). Từ tháng 12 năm 2016 đến tháng 3 năm 2017 Công ty NP vi phạm việc thanh toán tiền mua hàng cho Công ty Transfar vì vậy Công ty Transfar đã ngưng hợp đồng cung cấp sản phẩm hóa học cho Công ty NP. Ngày 22/01/2018 Công ty Transfar đã gửi giấy báo nợ cho Công ty NP với nội dung chi tiết các hợp đồng, hóa đơn mua hàng, số hóa đơn và số tiền nợ Công ty NP còn chưa thanh toán tổng cộng là 146.477,5 Đô la Mỹ (tương đương 3.398.278.000 đồng). Cho đến thời điểm khởi kiện đã gần 01 năm nhưng Công ty NP vẫn không phản hồi về khoản nợ. Vì vậy, Công ty Transfar khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty NP phải trả cho Công ty Transfar số tiền mua hàng còn thiếu là 146.477,5 Đô la Mỹ (tương đương 3.398.278.000 đồng) và khoản tiền lãi phát sinh từ tháng 3/2017 đến nay của số tiền nợ gốc với mức lãi suất quá hạn là 0.03%/ ngày, tạm tính: $0.03\% \times 730 \text{ ngày} \times 3.398.278.000 \text{ đồng} = 744.222.882 \text{ đồng}$. Tổng cộng: $3.398.278.000 \text{ đồng} + 744.222.882 \text{ đồng} = 4.142.500.882 \text{ đồng}$. Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn Công ty Transfar đã nộp giấy báo nợ ngày 22/01/2018, các hợp đồng, hóa đơn thanh toán của từng lô hàng, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty NP.

Tại biên bản làm việc ngày 27/5/2019, người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty NP là ông Trần Hoài N trình bày: Ông Trần Hoài N là người đại diện theo pháp luật của Công ty NP với chức vụ là Tổng giám đốc từ ngày 13/12/2017 đến nay theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 13/12/2017 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty NP. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Transfar thì Công ty NP thừa nhận có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty Transfar và còn nợ tiền mua hàng của Công ty Transfar số tiền 146.447,5 Đô la Mỹ. Hiện nay, Công ty NP đã ngưng hoạt động từ tháng 7 năm 2017 đến nay, đang tiến hành các thủ tục pháp lý bán tài sản của Công ty để thanh toán nợ cho các nhà cung cấp. Tổng số tiền 146.447,5 Đô la Mỹ tương đương 3.398.278.000 đồng còn nợ Công ty Transfar thì Công ty NP đồng ý thanh toán. Tuy nhiên, vì Công ty NP đã ngưng hoạt động và giá trị tài sản của Công ty NP không còn đủ để thanh toán nên bị đơn đề nghị nguyên đơn miễn giảm tiền lãi cho bị đơn. Bị đơn không có yêu cầu phản tố gì khác và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn trong suốt quá trình tố tụng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đồng thời các bên giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong quá trình tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, được bị đơn thừa nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến trình bày của các bên đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án kinh doanh thương mại về việc “*tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” giữa nguyên đơn là pháp nhân nước ngoài với doanh nghiệp có địa chỉ trụ sở tại tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do các đương sự đều có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn Công ty Transfar khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty NP thanh toán tiền mua hàng chưa thanh toán từ tháng 12 năm 2016 đến tháng 3 năm 2017 tổng số tiền 146.477,5 Đô la Mỹ (tương đương 3.398.278.000 đồng) và tiền lãi chậm thanh toán của số tiền trên với mức lãi suất quá hạn là 0.03%/ ngày từ tháng 3/2017 đến nay (730 ngày), tạm tính: $0.03\% \times 730 \text{ ngày} \times 3.398.278.000 \text{ đồng} = 744.222.882 \text{ đồng}$. Tổng cộng: $3.398.278.000 \text{ đồng} + 744.222.882 \text{ đồng} = 4.142.500.882 \text{ đồng}$. Bị đơn thừa nhận còn nợ số tiền gốc là tiền mua hàng chưa thanh toán và đồng ý thanh toán số tiền nợ gốc, còn tiền lãi xin miễn giảm do tình hình tài chính hiện tại của bị đơn không đủ để trả nợ. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc của nguyên đơn nhận thấy: Căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là các hợp đồng số HPCZ-0093 ngày 22/12/2016, HPCZ-0099 ngày 01/01/2017, HPCZ-0100 ngày 16/01/2017, HPCZ-0102 ngày 09/02/2017, HPCZ-0110 ngày 20/02/2017, HPCZ-0170 ngày 22/02/2017, HPCZ-0112 ngày 01/3/2017 và các hóa đơn thương mại số TFVN16027 ngày 30/12/2016, HPCZ-0099 ngày 16/01/2017, HPCZ-0100 ngày 20/01/2017, HPCZ-0102 ngày 15/02/2017, HPCZ-0107 ngày 22/02/2017, HPCZ-0110 ngày 24/02/2017, HPCZ-0112 ngày 06/3/2017 thì có căn cứ xác định giữa hai bên đương sự đã có giao dịch mua bán hàng hóa. Căn cứ giấy báo nợ ngày 22/01/2018 (bút lục 65) và sự thừa nhận của bị đơn tại bút lục số 36 thì trong thời gian từ ngày 30/12/2016 đến ngày 06/3/2017 bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền mua hàng chưa thanh toán là 146.477,5 Đô la Mỹ (tương đương 3.398.278.000 đồng). Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền trên là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền lãi với mức lãi suất 0.03%/ngày thời hạn từ tháng 3 năm 2017 đến ngày khởi kiện (730 ngày), tạm tính: $0.03\% \times 730 \text{ ngày} \times 3.398.278.000 \text{ đồng} = 744.222.882 \text{ đồng}$. Thấy rằng: Theo thỏa thuận giữa hai bên tại hợp đồng mua bán hàng hóa thì bên mua phải thanh toán tiền mua hàng bằng hình thức chuyển khoản trong vòng 90 ngày tính từ ngày vận đơn tại các hợp đồng đã nêu tại Mục [3], không thỏa thuận nghĩa vụ chậm thanh toán. Thực tế bị đơn đã chậm thanh toán tiền mua hàng cho nguyên đơn theo thỏa thuận nêu trên từ tháng 12 năm 2016 cho đến nay. Do đó, căn cứ Điều 306 Luật Thương mại, nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Về mức lãi suất sẽ được áp dụng theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội

đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Qua xác minh của Tòa án về mức lãi suất trung bình cho vay ngắn hạn đối với khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng Thương mại Cổ phần ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Bình Dương là 9,5%/năm, mức lãi suất quá hạn trung bình tối đa 150% mức lãi suất cho vay, do đó việc nguyên đơn chỉ yêu cầu áp dụng mức lãi suất 0.03%/ngày đối với số tiền bị đơn chậm trả là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận. Về thời gian tính lãi, sẽ phải tính tiền lãi theo thời gian chậm trả tương ứng với số nợ gốc. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi kể từ tháng 3/2017 đến ngày khởi kiện trên tổng số tiền nợ gốc 146.477,5 Đô la Mỹ (tương đương 3.398.278.000 đồng) là phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận. Bị đơn đề nghị được miễn giảm tiền lãi nhưng nguyên đơn không chấp nhận nên không có cơ sở xem xét.

[5] Từ những phân tích tại các mục [2], [3], [4] nêu trên, xét thấy: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Về án phí sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, các Điều: 235, 264, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ các Điều: 11, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Transfar Z co.,ldt đối với bị đơn Công ty TNHH Liên doanh NP T về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc Công ty TNHH Liên doanh NP T phải thanh toán cho Transfar Z co.,ldt số tiền 4.142.500.882 đồng (bốn tỷ một trăm bốn mươi hai triệu năm trăm ngàn tám trăm tám mươi hai đồng), trong đó số tiền gốc mua hàng chưa thanh toán là 146.477,5 Đô la Mỹ (tương đương 3.398.278.000 đồng) và tiền lãi 744.222.882 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH Liên doanh NP T phải chịu 112.142.500 đồng (một trăm mười hai triệu một trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm đồng).

- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương hoàn trả lại cho Transfar Z co.,.ltd số tiền 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng) tạm ứng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0026968 ngày 28/3/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều: 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Lưu: HSVA, Tòa KT, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Thị Nhàn